

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	5 – 6
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 – 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 42
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	

038  
T  
M10  
35M  
1-1  
038  
ONG  
3 PI  
THI  
MÔ

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Chủ tịch	01/08/2020
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Chủ tịch	01/08/2020
Bà Nguyễn Thanh Dung	Thành viên	03/07/2020

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thu Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

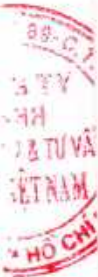
Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đoàn Thị Mỹ Hồng**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2020





RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3  
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026  
F +8428 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 21.135-HN/BCSX -RSMHCM

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2020, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Nhóm Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

3700  
CƠ  
CỔ  
ĐẠI  
L  
DẤU

## BÁO CÁO SOÁT XÉT (TIẾP THEO)

### *Kết luận của kiểm toán viên*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc và các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/03/ 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### TUO. TONG GIAM ĐOC



**Nguyễn Thụy Nhã Vy**  
**Giám đốc Kiểm toán**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1875-2018-026-1  
(Theo Giấy ủy quyền số 08/2019-20/UQ-RSM  
ngày 01 tháng 10 năm 2019)

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2020

*Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

78  
3  
M  
18  
ET  
HC  
812  
IG  
PH  
HIỆ  
MỘT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.782.906.871.973</b>	<b>2.015.325.757.859</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>15.915.566.301</b>	<b>43.365.726.311</b>
1. Tiền	111		10.995.566.301	7.049.844.711
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.920.000.000	36.315.881.600
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.2	<b>9.920.000.000</b>	<b>3.426.112.400</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.920.000.000	3.426.112.400
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>145.102.969.441</b>	<b>213.017.261.062</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	160.650.592.829	229.432.317.168
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.568.396.558	4.305.361.297
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	10.862.531.737	8.258.134.280
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(28.978.551.683)	(28.978.551.683)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.6	<b>1.590.415.711.202</b>	<b>1.715.234.035.130</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.641.848.025.827	1.734.594.754.461
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(51.432.314.625)	(19.360.719.331)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21.552.625.029</b>	<b>40.282.622.956</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.976.132.298	7.716.463.721
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.572.489.854	32.566.159.235
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	4.002.877	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>759.534.806.849</b>	<b>778.055.035.074</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.785.400.254</b>	<b>4.767.797.254</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	6.785.400.254	4.767.797.254
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>508.473.421.094</b>	<b>545.515.021.492</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	393.096.681.936	434.723.769.212
Nguyên giá	222		1.018.208.279.742	1.027.462.946.939
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(625.111.597.806)	(592.739.177.727)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.10	105.583.395.968	100.807.162.238
Nguyên giá	225		126.530.274.083	118.752.101.100
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(20.946.878.115)	(17.944.938.862)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	9.793.343.190	9.984.090.042
Nguyên giá	228		14.305.527.730	14.305.527.730
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.512.184.540)	(4.321.437.688)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>202.706.314.883</b>	<b>185.682.633.989</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	202.706.314.883	185.682.633.989
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	<b>68.477.795</b>	<b>68.477.795</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		68.477.795	68.477.795
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>41.501.192.823</b>	<b>42.021.104.544</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	41.494.904.429	40.583.080.819
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.288.394	1.438.023.725
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.542.441.678.822</b>	<b>2.793.380.792.933</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.658.621.278.864</b>	<b>1.803.969.485.801</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.615.062.556.958</b>	<b>1.757.127.739.299</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	259.803.888.669	417.843.335.122
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.290.796.738	11.878.213.764
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	1.103.533.176	686.806.677
4. Phải trả người lao động	314		2.963.168.802	1.596.695.535
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	14.805.502.831	16.986.000.231
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	156.851.547.311	75.827.225.487
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	1.163.119.558.169	1.222.829.190.221
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.124.561.262	9.480.272.262
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>43.558.721.906</b>	<b>46.841.746.502</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	19.823.765.977	42.162.639.678
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		23.734.955.929	4.679.106.824
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>883.820.399.958</b>	<b>989.411.307.132</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.17	<b>883.820.399.958</b>	<b>989.411.307.132</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu quỹ	412		166.825.342.471	166.825.342.471
2. Thặng dư vốn cổ phần	415		(14.481.143.515)	(14.481.143.515)
3. Cổ phiếu quỹ	418		45.333.608.304	45.333.608.304
4. Quỹ đầu tư phát triển	420		2.409.121.366	2.409.121.366
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	421		69.377.431.332	174.968.338.506
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421a		174.968.338.506	315.437.398.117
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421b		(105.590.907.174)	(140.469.059.611)
LNST chưa phân phối kỳ này				
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.542.441.678.822</b>	<b>2.793.380.792.933</b>



Đoàn Thị Mỹ Hồng  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Lê Ngọc Khang  
 Người lập kiêm Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	782.752.649.501	1.374.298.146.130
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		774.650.066	1.971.693.426
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		781.977.999.435	1.372.326.552.704
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	771.976.931.747	1.310.233.311.606
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.001.067.688	62.093.241.098
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		449.981.691	1.277.214.736
7. Chi phí tài chính	22	5.3	42.312.704.261	44.242.448.560
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		41.695.194.429	41.602.930.563
8. Chi phí bán hàng	25	5.4	5.317.002.942	27.647.047.901
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	18.643.214.974	24.740.078.173
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(55.821.872.798)	(33.259.118.800)
11. Thu nhập khác	31		189.029.375	627.231.172
12. Chi phí khác	32	5.6	29.470.479.320	3.888.687.045
13. Lợi nhuận khác	40		(29.281.449.945)	(3.261.455.873)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(85.103.322.743)	(36.520.574.673)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	523.530.060
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		20.487.584.431	558.387.992
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(105.590.907.174)	(37.602.492.725)
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(105.590.907.174)	(37.602.492.725)
19. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.17.4	(1.742)	(620)



Đoàn Thị Mỹ Hồng  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Lê Ngọc Khang  
 Người lập kiêm Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kê toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		(85.103.322.743)	(36.520.574.673)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	62.390.329.946	56.003.159.208
Các khoản dự phòng	03		32.071.595.294	2.178.543.388
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(620.112.098)	30.463.971
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(83.903.355)	(969.100.080)
Chi phí lãi vay	06	5.3	41.695.194.429	41.602.930.563
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>		<b>50.349.781.473</b>	<b>62.325.422.377</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		81.919.680.786	80.408.050.745
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		92.746.728.634	(262.067.424.079)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(81.173.121.959)	314.070.788.750
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.828.507.813	(3.833.160.812)
Tiền lãi vay đã trả	14		(41.695.194.429)	(29.413.035.466)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(4.243.962.934)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(355.711.000)	(313.150.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>103.620.671.318</b>	<b>156.933.528.581</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.886.407.092)	(3.047.704.955)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.460.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(9.920.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.426.112.400	7.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	969.100.080
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(26.920.294.692)</b>	<b>4.921.395.125</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.2	777.742.501.609	1.332.085.623.596
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.3	(881.653.107.357)	(1.460.743.613.460)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(22.436.129.016)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(103.910.605.748)</b>	<b>(151.094.118.880)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>				
<b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(27.210.229.122)</b>	<b>10.760.804.826</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		43.365.726.311	39.471.949.188
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(239.930.888)	(30.463.971)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>				
<b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	4.1	<b>15.915.566.301</b>	<b>50.202.290.043</b>



Đoàn Thị Mỹ Hồng  
 Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Lê Ngọc Khang  
 Người lập kiêm Kế toán trưởng

112  
 GT  
 H  
 IÊN  
 DT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4602000250 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 09 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm Công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2020 gồm:

Tên	Địa chỉ	Ghi chú
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Long Mỹ	Số 79A Trần Hưng Đạo, Khu vực Bình Thạnh B, Phường Bình Thạnh, TX. Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	Đang tạm nghỉ kinh doanh đến 31/12/2020
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh	295 Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	Đang tạm nghỉ kinh doanh đến 31/12/2020
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bà Rịa	19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.	Đang tạm nghỉ kinh doanh đến 31/12/2020
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Đà Nẵng	Thôn Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	Đang hoạt động

Tổng số nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 347 (31/12/2019 là: 439).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm Công ty là:

- Sản xuất thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm – kẽm, mạ màu, ống thép, xà gồ thép;
- Kinh doanh thép cán nóng, thép tấm, thép hình, thép xây dựng.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 1.5. Cấu trúc Nhóm Công ty

Nhóm Công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 02 công ty con trực tiếp. Trong kỳ, không có thay đổi cấu trúc của Nhóm Công ty.

#### 1.6. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH Một Thành viên Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%
2.	Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, Đường 22, KCN Sóng Thần 2, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%

#### 1.7. Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ

Tổ chức Y tế thế giới đã công bố vi rút Corona và Covid-19 là tình trạng khẩn cấp về y tế toàn cầu vào ngày 30 tháng 01 năm 2020. Kể từ đó, Nhóm Công ty đã trải qua những khó khăn trong hoạt động do nhu cầu về một số sản phẩm bị giảm sút do giãn cách xã hội.

Sự cạnh tranh khốc liệt của các doanh nghiệp cùng ngành nghề tại thị trường trong nước, các biện pháp tự vệ thương mại của các quốc gia khác, và nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm tôn, thép giảm do ảnh hưởng của đại dịch đã làm cho tình hình kinh doanh của Nhóm Công ty gặp nhiều khó khăn.

Các sự kiện trên đã ảnh hưởng đến báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2020 của Nhóm Công ty như sau:

- Giảm sút doanh thu và dòng tiền: Doanh thu đã giảm sút là 43% và dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh đã giảm là 34% so với cùng kỳ năm trước;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho tăng thêm là 32.071.595.294 VND (06 tháng cùng kỳ năm trước không có dự phòng).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty từ 01/01 đến 31/12.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

#### 2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm Công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm Công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

#### *Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ*

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

#### 3.1. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### 3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

#### 3.3. Đầu tư tài chính

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

#### **Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác**

##### *Đầu tư khác*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

#### **Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác**

##### *Đối với các khoản đầu tư chứng khoán*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

##### *Đối với các khoản đầu tư khác*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

### 3.4. Nợ phải thu

#### **Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

#### **Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 3.5. Hàng tồn kho

##### *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

##### *Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho*

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

#### 3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### *Phương pháp khấu hao*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 20 năm
▪ Máy móc thiết bị	4 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	7 – 10 năm
▪ Thiết bị văn phòng	5 năm

#### 3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

##### *Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình*

###### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là từ 39 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

###### *Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là 6 năm.

#### 3.8. Thuê tài sản

##### *Phân loại thuê tài sản*

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

##### *Thuê tài chính*

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

15  
14  
13  
12  
11  
10

3126

GT  
HẢI  
LÊN I

ĐT-T.P

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Nhóm Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

- |                                  |                |
|----------------------------------|----------------|
| ▪ Máy móc thiết bị               | 60 – 120 tháng |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 34 – 43 tháng  |

#### **Thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

#### **3.9. Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **3.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê là 43 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 tháng đến 36 tháng.

#### **3.11. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

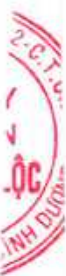
Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

#### **3.12. Chi phí đi vay**

##### **Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Handwritten notes in red ink on the right margin.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

#### 3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

#### 3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

##### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

##### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.15. Doanh thu và thu nhập khác

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### *Lãi tiền gửi*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### **3.16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

#### **3.17. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

#### **3.18. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái.

#### **3.19. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

#### **3.20. Thuế**

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành là 20%.

*Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

100  
C  
M  
XS  
100  
C  
C  
ĐẠI  
U DẦU

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

*Ưu đãi, miễn giảm thuế của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:*

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 (mười hai) năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2012 đến năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2021).

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp chịu thuế suất 0% đối với hàng xuất khẩu và 10% đối với hàng bán trong nước.

#### **Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty.

#### **3.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### **3.22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### **3.23. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **3.24. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem trang tiếp theo)

10/10/2023

282

TY  
IÁN  
NL

T-T.P

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	322.347.851	681.099.226
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.673.218.450	6.368.745.485
Các khoản tương đương tiền	4.920.000.000	36.315.881.600
<b>Cộng</b>	<b>15.915.566.301</b>	<b>43.365.726.311</b>

Giá trị các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 4.000.000.000 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm mục 4.16.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**1.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng	9.920.000.000	9.920.000.000	3.426.112.400	3.426.112.400

Các khoản tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 9.920.000.000 VND có kỳ hạn 06 tháng đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm mục 4.16.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	68.477.795	-	121.089.450	-

Đầu tư vào đơn vị khác:

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam 68.477.795 - 121.089.450 68.477.795 -  
Nhóm Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trên cơ sở giá niêm yết trên sàn chứng khoán và số lượng cổ phiếu Nhóm Công ty nắm giữ.

(Xem trang tiếp theo)





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	91.859.280.495	151.539.386.978
Phải thu từ khách hàng:		
PT Blue Steel Industries	8.600.606.559	8.600.606.559
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Hoàng Anh	8.338.709.363	6.931.332.913
Các khách hàng khác	51.851.996.412	62.360.990.718
<b>Cộng</b>	<b><u>160.650.592.829</u></b>	<b><u>229.432.317.168</u></b>

**4.4. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác các bên liên quan – Xem thêm mục 8	4.819.995.733	(953.202.080)	4.789.995.733	(953.202.080)
Phải thu người lao động	1.379.030.852	-	871.548.489	-
Phải thu khác	4.663.505.152	(2.062.334.860)	2.596.590.058	(2.062.334.860)
<b>Cộng</b>	<b><u>10.862.531.737</u></b>	<b><u>(3.015.536.940)</u></b>	<b><u>8.258.134.280</u></b>	<b><u>(3.015.536.940)</u></b>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	6.785.400.254	-	4.767.797.254	-

(Xem trang tiếp theo)

3700  
 CÔNG TY CỔ PHẦN  
 ĐẠI THIÊN LỘC  
 THỦ DẦU MỘT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	29.727.008.328	748.456.645	29.727.008.328	748.456.645
Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu khách hàng, phải thu khác quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:				
	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
PT Blue Steel Industries	8.437.951.733	-	8.437.951.733	-
Công ty TNHH SX TM Thép Thành Chung	3.781.172.002	-	3.781.172.002	-
Công ty TNHH SX TM Tôn Tân Thành	2.896.315.858	-	2.896.315.858	-
Các khách hàng khác	14.611.568.735	748.456.645	14.611.568.735	748.456.645
<b>Cộng</b>	<b>29.727.008.328</b>	<b>748.456.645</b>	<b>29.727.008.328</b>	<b>748.456.645</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND		VND	
Hàng đang đi trên đường	600.000	-	600.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	268.965.746.057	(32.549.654.157)	522.784.144.902	-
Công cụ, dụng cụ	53.588.142.561	-	68.501.062.173	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.168.123.840	-	4.286.950.319	-
Thành phẩm	897.205.821.966	(6.831.957.413)	864.894.340.012	(5.463.488.163)
Hàng hóa	411.919.591.403	(12.050.703.055)	274.127.657.055	(13.897.231.168)
<b>Cộng</b>	<b>1.641.848.025.827</b>	<b>(51.432.314.625)</b>	<b>1.734.594.754.461</b>	<b>(19.360.719.331)</b>

Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc.

Giá trị hàng tồn kho tại thời điểm cuối kỳ là 665.733.693.890 VND đã được dùng để thế chấp, bảo đảm các khoản phải trả – Xem thêm mục 4.16.

**4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
Xây dựng cơ bản nhà xưởng và máy móc, dây chuyền sản xuất	180.744.897.439		164.437.071.456	
Mua sắm tài sản cố định	21.961.417.444		21.245.562.533	
<b>Cộng</b>	<b>202.706.314.883</b>		<b>185.682.633.989</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	131.047.409.419	848.957.545.797	45.905.943.873	1.552.047.850	1.027.462.946.939
Mua trong kỳ	-	5.104.037.563	674.520.000	-	5.778.557.563
Đầu tư XDCB hoàn thành	84.168.635	-	-	-	84.168.635
Mua lại tài sản thuế	-	14.083.927.012	-	-	14.083.927.012
Thanh lý, nhượng bán	-	(29.037.400.407)	(163.920.000)	-	(29.201.320.407)
Phân loại lại	(236.690.909)	141.513.864	95.177.043	2	-
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>130.894.887.145</b>	<b>839.249.623.829</b>	<b>46.511.720.916</b>	<b>1.552.047.852</b>	<b>1.018.208.279.742</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2020	48.923.178.045	515.516.351.341	26.872.711.864	1.426.936.477	592.739.177.727
Khấu hao trong kỳ	3.406.163.553	47.787.577.706	2.221.762.393	34.435.654	53.449.939.306
Mua lại tài sản thuế	-	5.747.704.535	-	-	5.747.704.535
Thanh lý, nhượng bán	-	(26.706.837.078)	(118.386.684)	-	(26.825.223.762)
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>52.329.341.598</b>	<b>542.344.796.504</b>	<b>28.976.087.573</b>	<b>1.461.372.131</b>	<b>625.111.597.806</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2020	82.124.231.374	333.441.194.456	19.033.232.009	125.111.373	434.723.769.212
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>78.565.545.547</b>	<b>296.904.827.325</b>	<b>17.535.633.343</b>	<b>90.675.721</b>	<b>393.096.681.936</b>

**ÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình là 252.722.431.693 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.16.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 50.870.188.514 VND.

**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2020	13.730.727.730	574.800.000	14.305.527.730
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>13.730.727.730</b>	<b>574.800.000</b>	<b>14.305.527.730</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2020	3.882.354.363	439.083.325	4.321.437.688
Khấu hao trong kỳ	142.846.854	47.899.998	190.746.852
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>4.025.201.217</b>	<b>486.983.323</b>	<b>4.512.184.540</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2020	9.848.373.367	135.716.675	9.984.090.042
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>9.705.526.513</b>	<b>87.816.677</b>	<b>9.793.343.190</b>

Giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 của TSCĐ vô hình là 1.485.614.870 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.16.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tài, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2020	118.752.101.100	-	118.752.101.100
Thuê tài chính trong kỳ	-	21.862.099.995	21.862.099.995
Mua lại tài sản thuê	(14.083.927.012)	-	(14.083.927.012)
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>104.668.174.088</b>	<b>21.862.099.995</b>	<b>126.530.274.083</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2020	17.944.938.862	-	17.944.938.862
Khấu hao trong kỳ	5.863.060.973	2.886.582.815	8.749.643.788
Mua lại tài sản thuê	(5.747.704.535)	-	(5.747.704.535)
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>18.060.295.300</b>	<b>2.886.582.815</b>	<b>20.946.878.115</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2020	100.807.162.238	-	100.807.162.238
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>86.607.878.788</b>	<b>18.975.517.180</b>	<b>105.583.395.968</b>

**4.11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền thuê đất trả trước	39.933.691.051	40.583.080.819
Các khoản khác	1.561.213.378	-
<b>Cộng</b>	<b>41.494.904.429</b>	<b>40.583.080.819</b>

Tiền thuê đất trả trước tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần 2 và 3 theo các hợp đồng thuê đất để xây dựng nhà máy cho đến năm 2055.

Giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 của quyền sử dụng đất thuê là 39.426.691.051 VND tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần 2 đã dùng để thế chấp cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.16.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****1.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	41.065.397.866	41.065.397.866	5.921.169.767	5.921.169.767
Phải trả cho người bán:				
Ouda Yicahng Machinery and Electrical Equipment Manufacture Co., Ltd	65.730.055.699	65.730.055.699	65.992.963.490	65.992.963.490
Công ty TNHH Thép Hoa Phát	21.974.975.000	21.974.975.000	-	-
Công ty TNHH Ngô Hoàng Phương Nam	21.248.536.100	21.248.536.100	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	109.784.924.004	109.784.924.004	345.929.201.865	345.929.201.865
<b>Cộng</b>	<b>259.803.888.669</b>	<b>259.803.888.669</b>	<b>417.843.335.122</b>	<b>417.843.335.122</b>

**1.13. Thuế và các khoản phải thu / phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2020		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2020	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	441.411.811	8.062.298.472	7.620.886.661	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	40.541.329	-	-	-	40.541.329
Thuế thu nhập cá nhân	-	24.272.314	47.718.302	72.403.614	-	48.957.626
Các loại thuế khác	4.002.877	597.307.722	49.120.000	53.122.877	-	597.307.722
<b>Cộng</b>	<b>4.002.877</b>	<b>1.103.533.176</b>	<b>11.218.296.743</b>	<b>10.805.573.121</b>	<b>-</b>	<b>686.806.677</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí phải trả các bên liên quan – Xem thêm mục 8	11.239.468.101	11.239.468.101
Tiền lương tháng 13 và tiền thưởng	1.144.512.595	3.285.225.495
Các khoản trích trước khác	2.421.522.135	2.461.306.635
	<hr/>	<hr/>
<b>Cộng</b>	<b>14.805.502.831</b>	<b>16.986.000.231</b>

**4.15. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	148.230.556.715	72.888.772.363
Kinh phí công đoàn	223.311.762	271.124.973
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	362.843.697	974.440
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.034.835.137	2.666.353.711
	<hr/>	<hr/>
<b>Cộng</b>	<b>156.851.547.311</b>	<b>75.827.225.487</b>

(Xem trang tiếp theo)

3  
26  
T  
N  
T



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****.16. Vay và nợ thuế tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn:</b>						
Vay ngân hàng	1.066.511.398.180	1.066.511.398.180	754.131.501.609	817.931.773.256	1.130.311.669.827	1.130.311.669.827
Vay ngắn hạn cá nhân là bên liên quan – Xem thêm mục 8	65.428.836.524	65.428.836.524	23.611.000.000	21.390.000.000	63.207.836.524	63.207.836.524
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn phải trả	31.179.323.465	31.179.323.465	-	-	29.309.683.870	29.309.683.870
<b>Cộng</b>	<b>1.163.119.558.169</b>	<b>1.163.119.558.169</b>	<b>777.742.501.609</b>	<b>839.321.773.256</b>	<b>1.222.829.190.221</b>	<b>1.222.829.190.221</b>
<b>Dài hạn:</b>						
Vay ngân hàng	6.179.971.328	6.179.971.328	-	4.186.673.336	10.366.644.664	10.366.644.664
Nợ thuế tài chính	44.823.118.114	44.823.118.114	21.862.099.995	38.144.660.765	61.105.678.884	61.105.678.884
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn phải trả	(31.179.323.465)	(31.179.323.465)	-	-	(29.309.683.870)	(29.309.683.870)
<b>Cộng</b>	<b>19.823.765.977</b>	<b>19.823.765.977</b>	<b>21.862.099.995</b>	<b>42.331.334.101</b>	<b>42.162.639.678</b>	<b>42.162.639.678</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản vay ngân hàng được chi tiết như sau:

- Vay ngắn hạn ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KCN Sóng Thần với tổng hạn mức 400.000.000.000 VND (bốn trăm tỷ VND), lãi suất 6,50%/năm, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt thép, tôn cuộn các loại; Mỡ LC; Chiết khấu; Phát hành bảo lãnh và các hình thức cấp tín dụng khác. Khoản vay được đảm bảo bằng dây chuyền máy móc và hàng hóa nhập khẩu – Xem thêm mục 4.6 và mục 4.8.
- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương với hạn mức tín dụng 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ VND), lãi suất 6,50 – 7,80%/năm, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê tọa lạc tại 1 phần lô CN8, KCN Sóng Thần, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam; Máy móc thiết bị; Toàn bộ quyền đòi nợ luân chuyển; hàng hóa thuộc sở hữu của Nhóm Công ty tại kho Sóng Thần 3, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và Kho Thanh Trúc, 300/20 đường DT 743A, Khu phố Chiêu Liêu, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam; Tài sản của các bên liên quan – Xem thêm mục 4.6, mục 4.9, và mục 4.11 và mục 8.
- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gò Vấp (“Ngân hàng Sacombank”) với hạn mức tín dụng 600.000.000.000 VND (sáu trăm tỷ VND), lãi suất 7,00 – 7,50%/năm, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng các số tiền gửi tiết kiệm; Quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thị Bích Liên, và toàn bộ hàng hóa là kim, sắt thép các loại (trừ phế liệu) được thanh toán thông qua Ngân hàng Sacombank của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc – Xem thêm mục 4.1, mục 4.2, mục 4.6 và mục 8.
- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương với hạn mức tín dụng 30.000.000.000 VND (ba mươi tỷ VND), lãi suất 6,50%/năm, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng cầm cố sổ/ thẻ tiết kiệm thuộc sở hữu bởi Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thị Bích Liên – Xem thêm mục 8.
- Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương với hạn mức tín dụng 32.000.000.000 VND (ba mươi hai tỷ VND), lãi suất 9,50%/năm, để bù đắp chi phí đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị. Thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng dây chuyền máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay – Xem thêm mục 4.8.
- Vay dài hạn ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng 2.000.000.000 VND (hai tỷ VND), lãi suất 9,59%/năm, để mua phương tiện vận tải. Thời hạn vay là 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được hình thành từ khoản vay – Xem thêm mục 4.8.
- Vay dài hạn ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gò Vấp theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LD 1815600235, ngày 05 tháng 06 năm 2018 với lãi suất 9,40%/năm. Khoản vay với mục đích mua phương tiện vận tải. Thời hạn là 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai – Xem thêm mục 4.8.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các khoản vay cá nhân được chi tiết như sau:

- Vay ngắn hạn cá nhân của ông Nguyễn Thanh Nghĩa bằng hình thức tin chấp để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7,30%/năm.
- Vay ngắn hạn cá nhân của bà Nguyễn Thị Bích Liên bằng hình thức tin chấp để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm.
- Vay ngắn hạn cá nhân của bà Nguyễn Thanh Loan bằng hình thức tin chấp để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm.
- Vay ngắn hạn cá nhân của bà Nguyễn Thanh Dung bằng hình thức tin chấp để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm.

Khoản nợ thuế tài chính là khoản thuế tài chính của Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam, Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh có thời hạn thuế từ 34 tháng đến 120 tháng, lãi suất thuế từ 8,00% đến 10,00%/năm.

Các khoản nợ thuế tài chính được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

**Tại ngày 30/06/2020****VND**

Thời hạn:	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	28.414.874.909	2.748.856.116	25.666.018.793	28.546.859.446	7.720.522.248	20.826.337.198
Trên 1 năm đến 5 năm	20.259.188.053	1.102.088.732	19.157.099.321	45.727.924.023	5.448.582.337	40.279.341.686
<b>Cộng</b>	<b>48.674.062.962</b>	<b>3.850.944.848</b>	<b>44.823.118.114</b>	<b>74.274.783.469</b>	<b>13.169.104.585</b>	<b>61.105.678.884</b>

**Tại ngày 01/01/2020****VND**

Thời hạn:	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	28.414.874.909	2.748.856.116	25.666.018.793	28.546.859.446	7.720.522.248	20.826.337.198
Trên 1 năm đến 5 năm	20.259.188.053	1.102.088.732	19.157.099.321	45.727.924.023	5.448.582.337	40.279.341.686
<b>Cộng</b>	<b>48.674.062.962</b>	<b>3.850.944.848</b>	<b>44.823.118.114</b>	<b>74.274.783.469</b>	<b>13.169.104.585</b>	<b>61.105.678.884</b>

(Xem trang tiếp theo)

3700  
CỔ  
CỔ  
ĐẠI  
THẦN  
LỘC

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.17. Vốn chủ sở hữu****4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ		
Tại ngày 01/01/2019	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366	315.437.398.117	1.129.880.366.743
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	-	(140.469.059.611)	(140.469.059.611)
Tại ngày 01/01/2020	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366	174.968.338.506	989.411.307.132
Lỗi trong kỳ này	-	-	-	-	-	(105.590.907.174)	(105.590.907.174)
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>614.356.040.000</b>	<b>166.825.342.471</b>	<b>(14.481.143.515)</b>	<b>45.333.608.304</b>	<b>2.409.121.366</b>	<b>69.377.431.332</b>	<b>883.820.399.958</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	292.202.130.000	292.202.130.000
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	83.530.700.000	83.530.700.000
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	78.999.520.000	78.999.520.000
Bà Nguyễn Thanh Loan	62.443.780.000	62.443.780.000
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	26.195.800.000	26.195.800.000
Cổ đông khác	70.984.110.000	70.984.110.000
<b>Cộng</b>	<b>614.356.040.000</b>	<b>614.356.040.000</b>

**4.17.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang ký phát hành	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	804.620	804.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	60.630.984	60.630.984

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phần.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.17.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế của công ty mẹ	(105.590.907.174)	(37.602.492.725)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	(105.590.907.174)	(37.602.492.725)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	60.630.984	60.630.984
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(1.742)</b>	<b>(620)</b>

**4.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Ngoại tệ các loại: USD	41.445,87	126.893,97

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và nguyên vật liệu	762.540.838.399	1.317.386.818.206
Doanh thu bán công cụ dụng cụ	18.269.784.853	53.129.288.507
Doanh thu gia công	1.942.026.249	3.782.039.417
<b>Cộng</b>	<b>782.752.649.501</b>	<b>1.374.298.146.130</b>
Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	257.835.358.849	265.372.496.807

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	721.614.861.965	1.260.181.214.683
Giá vốn của công cụ, dụng cụ, phế liệu	18.290.474.488	48.684.443.883
Giá vốn gia công	-	1.367.653.040
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	32.071.595.294	-
<b>Cộng</b>	<b>771.976.931.747</b>	<b>1.310.233.311.606</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.3. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	41.695.194.429	41.602.930.563
Chi phí tài chính khác	617.509.832	2.639.517.997
<b>Cộng</b>	<b>42.312.704.261</b>	<b>44.242.448.560</b>

**5.4. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí quảng cáo	1.547.862.493	14.184.585.602
Chi phí vận chuyển	783.828.221	4.172.623.910
Chi phí dịch vụ mua ngoài	403.019.550	4.159.777.037
Chi phí nhân viên	1.098.110.341	1.497.298.402
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.484.182.337	3.632.762.950
<b>Cộng</b>	<b>5.317.002.942</b>	<b>27.647.047.901</b>

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	11.032.390.386	12.928.081.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.238.833.787	7.051.783.476
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	2.178.543.388
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.840.927.015	1.748.722.160
Các khoản chi phí QLDN khác	1.531.063.786	832.947.234
<b>Cộng</b>	<b>18.643.214.974</b>	<b>24.740.078.173</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.6. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí khấu hao của tài sản cố định tạm ngưng hoạt động	25.322.242.233	2.821.550.436
Các chi phí khác do tạm ngưng ngừng hoạt động	4.019.866.040	924.392.447
Các khoản khác	128.371.047	142.744.162
<b>Cộng</b>	<b>29.470.479.320</b>	<b>3.888.687.045</b>

**5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	561.239.033.988	2.157.995.869.894
Chi phí nhân công	15.543.884.080	23.528.788.578
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.390.329.946	56.003.159.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.196.725.275	41.701.006.296
Chi phí khác bằng tiền	2.605.233.256	22.399.207.727
<b>Cộng</b>	<b>667.975.206.545</b>	<b>2.301.628.031.703</b>

**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế suất thuế TNDN của từng công ty trong Nhóm Công ty như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Thuế suất thuế TNDN kỳ này</u>
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	20%
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	15%
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	20%

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****6.1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	21.862.099.995	-

3  
3  
7  
M  
L  
3700  
C  
C  
ĐẠI  
TH  
Đ



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****6.2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	777.742.501.609	1.332.085.623.596

**6.3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(881.653.107.357)	(1.460.743.613.460)

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động chính của Nhóm công ty là sản xuất và kinh doanh sắt, thép. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

1. Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan
2. Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan
3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt
4. Bà Nguyễn Thanh Loan	Thành viên mật thiết trong gia đình của các nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm Công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	86.021.103.027	132.972.086.202
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	5.838.177.468	18.567.300.776
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.3</b>	<b>91.859.280.495</b>	<b>151.539.386.978</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu ngắn hạn khác:		
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	3.996.334.813	3.996.334.813
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	5.100.000	5.100.000
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	818.560.920	788.560.920
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.4</b>	<b>4.819.995.733</b>	<b>4.789.995.733</b>
	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.12:		
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	(41.065.397.866)	(5.921.169.767)
	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả ngắn hạn khác:		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	(148.154.556.845)	(72.813.613.563)
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	(75.999.870)	(75.158.800)
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.15</b>	<b>(148.230.556.715)</b>	<b>(72.888.772.363)</b>
	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Vay ngắn hạn:		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	(38.911.000.000)	(36.690.000.000)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Chủ tịch HĐQT	(24.587.103.274)	(24.587.103.274)
Bà Nguyễn Thanh Loan, Bên liên quan	(1.064.000.000)	(1.064.000.000)
Bà Nguyễn Thanh Dung, Thành viên HĐQT	(866.733.250)	(866.733.250)
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.16</b>	<b>(65.428.836.524)</b>	<b>(63.207.836.524)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí phải trả ngắn hạn:		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	(3.386.803.713)	(3.386.803.713)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Chủ tịch HĐQT	(7.552.082.184)	(7.552.082.184)
Bà Nguyễn Thanh Dung, Thành viên HĐQT	(170.892.291)	(170.892.291)
Bà Nguyễn Thanh Loan, Bên liên quan	(129.689.913)	(129.689.913)
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.14</b>	<b>(11.239.468.101)</b>	<b>(11.239.468.101)</b>
Trong kỳ, Nhóm Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH Cơ khí Và Xây dựng DTL	62.677.064.000	93.818.717.174
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	195.158.294.849	171.553.779.633
<b>Cộng – Xem thêm mục 5.1</b>	<b>257.835.358.849</b>	<b>265.372.496.807</b>
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng hóa và dịch vụ:		
Công ty TNHH Cơ khí Và Xây dựng DTL	38.913.809.908	-
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	127.962.750.494	346.034.882.901
<b>Cộng</b>	<b>166.876.560.402</b>	<b>346.034.882.901</b>
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua tài sản:		
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	18.978.561.110	-
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán tài sản:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	2.400.000.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc:		
Vay tiền	23.611.000.000	82.665.982.708
Mượn tiền	90.862.826.000	-

Các bảo lãnh:

Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Chủ tịch HĐQT đã dùng 7.181.775 cổ phần của Công ty CP Đại Thiên Lộc thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Nhóm Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương với số dư nợ gốc tối đa là 23.053.000.000 VND - Xem thêm mục 4.16.

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc và Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Chủ tịch HĐQT đã dùng các sổ tiết kiệm có kỳ hạn thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Nhóm Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 30.000.000.000 VND - Xem thêm mục 4.16.

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc và Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Chủ tịch HĐQT đã dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Nhóm Công ty tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 141.000.000.000 VND - Xem thêm mục 4.16.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	370.583.200	-

**9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Vào tháng 07/2020, Covid-19 bùng phát trở lại tại Việt Nam nên ảnh hưởng đầy đủ của dịch bệnh vẫn chưa xác định được. Tuy nhiên, khả năng xảy ra mức độ ảnh hưởng tiêu cực của Covid-19 đến doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty trong kỳ kế toán tới là tùy thuộc vào thời gian diễn biến của dịch bệnh.



**Đoàn Thị Mỹ Hồng**  
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2020

**Lê Ngọc Khang**  
Người lập kiêm Kế toán trưởng